

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HSPT
Ngày: 27/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tú Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 227/2019/TLPT-HS ngày 30/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020; Thông báo về việc chuyển thời gian mở phiên tòa đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2019/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1989 tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1963 (bị cáo trong cùng vụ án) và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968; vợ: Hồ Thị Như H, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 15/5/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1963 tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H, sinh năm 1918 (chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1932 (chết); vợ: Huỳnh Thị T, sinh năm 1968; Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 1989, nhỏ

sinh năm 1991); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 15/5/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch (vắng mặt)

2. Ban quản lý rừng cộng đồng thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 08/2018, trong quá trình chăm sóc rẫy bạch đàn của gia đình tại khu vực có tục danh K thuộc thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; Phạm Văn T, sinh năm: 1989, ở thôn T – xã T – huyện T – tỉnh Bình Định) thấy khu vực rừng giáp ranh phía bắc rẫy bạch đàn do UBND Xã T và Ban quản lý rừng cộng đồng thôn T quản lý theo Quyết định số 2006/QĐ – UBND của UBND huyện T có độ dốc thoải, chủ yếu là dây leo, cây bụi nhỏ và một số ít thân cây gỗ lớn mọc rải rác nên nảy sinh ý định chặt phá để lấy đất trồng cây lâm nghiệp (bạch đàn) và rủ cha ruột là Phạm Văn T1, sinh năm 1963 cùng thực hiện, T1 đồng ý. T và T1 sử dụng mỗi người một cái rựa đến khu vực rừng nêu trên phát dọn dây leo, cây bụi nhỏ trước và thống nhất để các cây lớn thuê người dùng cưa máy cưa hạ sau. T và T1 chặt phá trong 10 ngày với diện tích khoảng 11.300 m² · khoảng 02 ngày sau, trên đường vào khu vực rừng chặt phá, T gặp và thuê 02 người đàn ông lạ (không rõ họ tên và địa chỉ) dùng cưa lóc cưa hạ toàn bộ số cây lớn còn lại trong khoảng thời gian 01 buổi và trả tiền công cho hai người này với số tiền là 400.000đ. Khoảng 05 ngày sau, tổ công tác Kiểm lâm địa bàn, UBND xã T và Ban quản lý rừng cộng đồng thôn T phát hiện sự việc, yêu cầu T và T1 chấm dứt hành vi vi phạm, không canh tác trên diện tích rừng đã phá nên T và T1 để cây rừng tái sinh tự nhiên.

Tại thông báo giám định thiệt hại về rừng số 159/TB – TTQH ngày 11/10/2018, Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Định xác định: Địa điểm rừng bị thiệt hại gồm các lô 1.1, 5.1, 18.1 thuộc khoảnh 2, tiểu khu 250A xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (Theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2015), với tổng diện tích là 11.300 m²; loại rừng bị thiệt

hại là rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh có trạng thái rừng nghèo thuộc quy hoạch chức năng rừng sản xuất; tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại 22.4m³.

Tại kết luận định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: giá trị lâm sản, giá trị môi trường của rừng bị thiệt hại tại khoảnh 2, tiểu khu 250A xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, với tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại 22.4m³ có giá trị là 15.456.900 đồng.

Vật chứng, Hạt kiểm lâm huyện T đã thu giữ và chuyển cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện T gồm:

- 02 (hai) cái rựa mà hai bị cáo T và T1 đã sử dụng để chặt phá rừng:
- + Cái thứ nhất dài 38 cm, gồm 02 phần liền nhau: lưỡi rựa làm bằng kim loại sắc bén, một cạnh dài 22cm, rộng 5cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng gỗ đã gãy chỉ còn lại chuôi, cán rựa bằng kim loại dài 11,5 cm; đường kính 3,0cm.
- + Cái thứ hai dài 87 cm, gồm 02 phần liền nhau: lưỡi rựa làm bằng kim loại sắc bén, một cạnh dài 25cm, rộng 4,7cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng gỗ hình dáng tròn, thẳng dài 62 cm, đường kính 3,2cm.

Quá trình điều tra, đại diện UBND xã T và Ban quản lý rừng cộng đồng thôn T yêu cầu hai bị can Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phải bồi thường, khắc phục hậu quả đối với những thiệt hại trên diện tích rừng mà hai bị cáo đã chặt phá theo quy định pháp luật. Hai bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả xong.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2019/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phải liên đới bồi thường cho UBND xã T số tiền 11.454.000 đồng và Cộng đồng dân cư thôn T số tiền 4.002.000 đồng. Tổng cộng 15.456.000 đồng.

Tuyên tạm giữ số tiền 15.456.000 đồng mà các bị cáo đã nộp được đựng trong một túi tiền đã được niêm phong tại Kho bạc nhà nước huyện T (theo biên bản giao

nhận ngày 05/7/2019 của Kho bạc nhà nước huyện T) để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2019, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm: Bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo Phạm Văn T1 cùng thực hiện hành vi hủy hoại rừng, bị cáo T là người thuê người khác dùng cưa lốc đốn các cây to. Tại phiên tòa, bị cáo T xuất trình thêm chứng cứ vợ bị cáo đang bị bệnh nặng, gia đình khó khăn, các con còn nhỏ. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T06 tháng tù. Bị cáo T1 với vai trò đồng phạm, giúp sức nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1 06 tháng tù nhưng đề nghị cho bị cáo hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp pháp, nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng đầu tháng 8/2018, Phạm Văn T và Phạm Văn T1 đã dùng rựa chặt phá trái phép cây rừng với tổng diện tích bị thiệt hại 11.300m² tại các lô 1.1, 5.1, 18.1 thuộc khoảnh 2, tiểu khu 250A xã T, huyện T, tỉnh Bình Định, với tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại 22.4m³ trong đó 8.377 m² do UBND xã T quản lý, 2.923 m² do Ban quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn T quản lý, bảo vệ. Đây là loại rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh, có trạng thái rừng nghèo, thuộc quy hoạch chức năng rừng sản xuất, phá rừng trái phép nhằm mục đích làm rẫy. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Hủy hoại rừng” với tình tiết định khung “Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông đến dưới 50.000 mét vuông” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Rừng là nguồn tài sản quý giá của quốc gia, có giá trị lớn đến phòng chống bão lụt và ảnh hưởng đến yếu tố môi trường tự nhiên, con người. Các bị cáo biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp

luật, gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phạm Văn T là người rủ rê, lôi kéo cha mình là Phạm Văn T1 cùng thực hiện chặt phá cây rừng mọc tự nhiên trên diện tích 11.300m² nên cả hai bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm chung.

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Văn Th, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng xử phạt bị cáo 03 năm tù chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm chứng cứ vợ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo và đang điều trị bệnh, các con bị cáo còn nhỏ (cháu lớn nhất sinh năm 2014, cháu nhỏ sinh năm 2019), đây được xem là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nhưng không chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo.

[3.2] Đối với bị cáo Phạm Văn T1 với vai trò giúp sức do bị bị cáo T lôi kéo nên được áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là có cơ sở, đúng pháp luật. Xét thấy, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo trong vụ án này cần giảm nhẹ hình một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo cũng là cha đẻ của bị cáo T trong cùng vụ án nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn T, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn T1.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T được chấp nhận một phần; kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T về xin giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Văn T1.

Sửa quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (Hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm d, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Định
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV& THAHS tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghĩa

- Lưu hồ sơ vụ án.

